

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2019

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG BÉ (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2019
(Tuần từ ngày 01 tháng 3 năm 2019 đến ngày 07 tháng 3 năm 2019)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2018	Năm 2017	
Đồng Phú	0,3	56,6	+ 159,5	- 24,9	- 37,0	0,4
Phước Hòa	0,0	10,9	- 36,9	- 81,6	- 93,0	0,2
Phước Long	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	0,0
Trung bình	0,1	22,5	+ 7,5	- 68,9	- 76,7	0,2

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích các trạm đo chính trên khu vực cao hơn TBNN 7,5%, nhỏ hơn năm 2017 là 76,7% và cao hơn 68,9% so với năm 2018. Trong tuần qua, tại các trạm hầu như không có mưa, chỉ có trạm Đồng Phú có mưa nhưng mưa rất nhỏ (chỉ 0,3 mm). Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 0,2 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Suối Giai	21,3	17,14	80,47	- 9,3	- 14,8	- 9,7	Giảm	71,46
Hồ NT6	2,75	2,75	100,00	+ 7,1	+ 6,9	- 5,2	Giảm	74,30
Hồ NT9	1,97	1,76	89,22	+ 3,3	- 2,6	- 12,1	Giảm	80,84
Hồ NT8	1,3	1,13	87,29	- 5,4	- 12,7	- 12,7	Giảm	78,22
Hồ NT2 - Đ7	1,74	1,62	92,87	+ 4,2	+ 0,8	- 2,1	Giảm	84,30
Hồ Lộc Quang	5,826	4,88	83,74	+ 1,5	- 3,7	- 3,4	Giảm	59,35
Hồ Tân Lợi	2,87	2,87	100,00	+ 6,9	0	0	Giảm	78,07
Hồ Suối Ông	0,386	0,26	68,63	- 27,7	- 31,4	- 33,8	Giảm	92,16
Hồ Bà Um	1,58	1,29	81,89	- 12,0	- 18,1	- 13,7	Giảm	84,16

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ NT 4	2,615	2,49	95,20	+ 6,4	- 2,8	+ 8,2	Giảm	89,02
Đập Thọ Sơn	0,963	0,92	95,19	+ 5,9	- 4,8	+ 1,9	Giảm	91,98
Hồ Đồng Xoài	9,66	6,42	66,45	- 12,9	- 17,7	- 21,5	Giảm	53,15
Hồ Bù Môn	0,2	0,07	34,78	- 64,3	- 65,2	- 65,2	Giảm	47,83
Hồ Sa Cát	1,327	1,20	90,66	- 2,3	- 9,3	- 19,8	Giảm	85,05
Hồ An Khương	2,6	1,68	64,69	- 2,1	- 7,6	- 11,5	Giảm	59,39
Hồ Ông Thoại	1,765	1,64	93,08	+ 14,0	- 1,2	+ 9,5	Giảm	80,41
Hồ Cần Đơn	165,49	95,07	57,45	- 21,1	- 22,4	- 24,9	Giảm	45,65
Trung bình/Tổng	224,342^(*)	143,20	63,83	- 6,3	- 12,2	- 12,7		52,07

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 224,342 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 28/02/2019 vẫn còn khá cao, tổng dung tích trữ hiện tại là 143,20 triệu m³ (đạt 63,83 % DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018, năm 2017 và TBNN.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 3 của vụ Đông Xuân năm 2018-2019 của 17 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) là **1,44** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2018-2019				Nhu cầu nước tưới tháng 3 cho vụ Đông Xuân (10 ⁶ m ³)
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNĐN	Thủy sản	
Tổng cộng		547	12	1.186,0	27	1,44
1	Hồ Suối Giai		12	102	6	0,12
2	Hồ NT6			11		0,01
3	Hồ NT9			29		0,02
4	Hồ NT8			25		0,02
5	Hồ NT2 - Đ7			51		0,04
6	Hồ Lộc Quang	275		260	8	0,42
7	Hồ Tân Lợi			70		0,06
8	Hồ Suối Ông	11			1	0,01
9	Hồ Bà Úm	4			2	0,00
10	Hồ NT 4			130		0,11
11	Đập Thọ Sơn			63		0,05
12	Hồ Đồng Xoài			44	8	0,05
13	Hồ Bù Môn	56				0,04
14	Hồ Sa Cát			80		0,07
15	Hồ An Khương	180		33	2	0,16

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2018-2019				Nhu cầu nước tưới tháng 3 cho vụ Đông Xuân (10^6 m^3)
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNĐN	Thủy sản	
16	Hồ Ông Thoại			38		0,03
17	Hồ Cần Đơn			250		0,21

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 3 năm 2018 (10^6 m^3)
1	Hồ Suối Giai	0,78
2	Hồ NT6	0,12
3	Hồ NT9	0,13
4	Hồ NT8	0,15
5	Hồ NT2 - Đ7	0,05
6	Hồ Lộc Quang	0,20
7	Hồ Tân Lợi	0,43
8	Hồ Suối Ông	0,03
9	Hồ Bà Úm	0,07
10	Hồ NT 4	0,11
11	Đập Thọ Sơn	0,02
12	Hồ Đồng Xoài	0,56
13	Hồ Bù Môn	1,23
14	Hồ Sa Cát	0,10
15	Hồ An Khương	0,13
16	Hồ Ông Thoại	0,07
17	Hồ Cần Đơn	328,58

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 3 cho vụ Đông Xuân, kết quả dự báo tuần từ ngày 01/03/2019 đến ngày 07/03/2019 như sau:

- **17/17 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Giai, hồ NT6, hồ NT9, hồ NT8, hồ NT2-Đ7, hồ Lộc Quang, hồ Tân Lợi, hồ Suối Ông, hồ Bà Úm, hồ NT4, đập Thọ Sơn, hồ Đồng Xoài, hồ Sa Cát, hồ An Khương, hồ Ông Thoại, hồ Cần Đơn, hồ Bù Môn.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2018-2019 từ ngày 01/03/2019 đến 07/03/2019			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Giai	80,47	120	75,96	100	120	
Hồ NT6	100,00	11	14,34	100	11	
Hồ NT9	89,22	29	88,03	100	29	
Hồ NT8	87,29	25	85,48	100	25	
Hồ NT2 - Đ7	92,87	51	92,44	100	51	
Hồ Lộc Quang	83,74	543	82,93	100	543	
Hồ Tân Lợi	100,00	70	100,00	100	70	
Hồ Suối Ông	68,63	12	64,71	100	12	
Hồ Bà Úm	81,89	6	81,14	100	6	

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2018-2019 từ ngày 01/03/2019 đến 07/03/2019			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ NT 4	95,20	130	94,51	100	130	
Đập Thọ Sơn	95,19	63	94,87	100	63	
Hồ Đồng Xoài	66,45	73	55,81	100	73	
Hồ Bù Môn	34,78	56	34,78	100	56	
Hồ Sa Cát	90,66	80	90,28	100	80	
Hồ An Khương	64,69	215	62,92	100	215	
Hồ Ông Thoại	93,08	38	92,62	100	38	
Hồ Càn Đơn	57,45	250	58,75	100	250	
Trung bình/Tổng	63,83	1.772,0^(*)	62,76	100	1.772,0^(*)	

Ghi chú: ^(*) Giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Phước Long	Đăk Nhau – Bù Đăng	0,0	-	- 100	- 100	Rủi ro hạn trung bình
	Đăk Ô – Bù Gia Mập					
	Sơn Giang – Phước Long					
	Long Hà – Phú Riềng					
	Đakia – Bù Đốp					
Đông Phú	Đông Tâm – Đông Phú	57,0	-	+ 91	- 50	Rủi ro hạn thấp
	Mình Hưng – Chơn Thành					
Trung bình		28,5	-	- 4	- 75	Có khả năng xảy ra hạn

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thấp hơn lượng mưa TBNN 4,0%. Mặc dù khu vực ảnh hưởng bởi lượng mưa đo được ở trạm Đồng Phú vẫn lớn hơn nhiều so với năm có lượng mưa thấp nhất (do lượng mưa tích lũy năm nhỏ nhất tính đến thời điểm ngày 07/3 là 0 mm), còn khu vực trạm Phước Long lượng mưa bằng với năm có lượng mưa thấp nhất. Nhưng với lượng mưa đo được từ đầu năm đến nay rất ít và số ngày liên tiếp không xảy ra mưa kéo dài (trạm Đồng Phú¹ đã 40 ngày liên tiếp không mưa, trạm Phước Long có tới 60 ngày liên tiếp không mưa). Vì vậy, có khả năng xảy ra hạn hán đối với khu vực sản xuất nông nghiệp thuộc các huyện Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Phú Riềng, thị xã Phước Long (tỉnh Bình Phước). Khuyến cáo người dân ở vùng ngoài công trình thủy lợi có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước, nạo vét,

¹ Mặc dù tại trạm Đồng Phú có xảy ra mưa vào ngày 25/2/2019, nhưng lượng mưa rất nhỏ không đáng kể (chỉ 0,3 mm) nên xem như không mưa.

khơi thông dòng chảy sông, suối nhằm tận dụng triệt để nguồn nước mặt trữ vào ao, bầu; hỗ trợ khuyến khích xây dựng bể chứa nước hộ gia đình, đào ao trữ nước ở những vùng khô hạn. Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
1.772	547	1.225					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 07/03/2019 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 140,80 triệu m³ (chiếm 62,76 % so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 17/17 hồ chứa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi này đến ngày 07/03/2019 không thay đổi. Tuy nhiên, thời điểm này đang là cao điểm mùa khô, nguy cơ xảy ra khô hạn khá cao khi thời tiết nắng nóng kèm theo không mưa kéo dài 40-60 ngày liên tiếp (nhất là các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thuộc các huyện Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Phú Riềng, thị xã Phước Long – tỉnh Bình Phước), nên các vùng sản xuất nông nghiệp cần có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 17 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Bé (vùng Đông Nam Bộ), các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 08/03/2019 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu VT.

VIỆN TRƯỞNG